TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Nhủ.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Trần Chí L, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 8 năm 2019 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Trần Chí L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008, đến ngày 18/6/2009 thì đến Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra việc tranh cải, xúc phạm và xô xác lẫn nhau, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2012 đến nay. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc và vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Chí L. Về con chung, có một người tên là Trần Cẩm T (giới tính nữ), sinh ngày 15 tháng 5 năm 2009, hiện do chị nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Trần Chí L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Chí L không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của chị Nguyễn Thị T và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Trần Chí L. Về con chung, giao một người con chung cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, anh Trần Chí L không cấp dưỡng nuôi con. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Trần Chí L là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, anh Trần Chí L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Trần Chí L là có căn cứ.

[2] Xét về hôn nhân, chị Nguyễn Thị T và anh Trần Chí L kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào ngày 18 tháng 6 năm 2009, nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Chí L được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét về mâu thuẫn, chị Nguyễn Thị T cho rằng giữa vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra việc tranh cải, xúc phạm và xô xác lẫn nhau, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Vì cuộc sống hôn nhân không tìm được hạnh phúc và vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Chí L. Đối với anh Trần Chí L không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy, giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Chí L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Chí L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Chí L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, có một người tên là Trần Cẩm T (giới tính nữ), sinh ngày 15 tháng 5 năm 2009, hiện đang do chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng và chị Nguyễn Thị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Trần Chí L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì anh Trần Chí L là người nuôi dưỡng con chung. Nhưng do cuộc sống gia đình nên anh Trần Chí L phải đi làm ăn xa, không trực tiếp nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án thì chị Nguyễn Thị T rước con về nuôi và không có sự phản đối từ anh Trần Chí L, hiện tại con chưa thành niên cũng có nguyện vọng được sống với chị Nguyễn Thị T. Nhằm để ổn định cuộc sống của con chưa thành niên nghĩ nên tiếp tục giao con cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đúng theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của

Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu anh Trần Chí L phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] Chị Nguyễn Thị T xác định tài sản chung và nợ chung là không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Trần Chí L.

2. Về con chung, giao cho chị Nguyễn Thị T chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Trần Cẩm T (giới tính nữ), sinh ngày 15 tháng 5 năm 2009. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Trần Chí L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Chí L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019351, ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Chí L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương